

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu Ni, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- **Bị đơn:** Anh **Phan Thành L**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thành L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/11/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh L tại khu N, xã T, huyện C và làm ruộng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 9

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, mỗi lần chị đi làm thuê về thì lại bị anh L đánh chửi. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ ngày 20/12/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Tuyết M- sinh ngày 29/6/2012, Phan Thị Thu T- sinh ngày 07/10/2017. Hiện 02 con chung ở với anh L. Nếu ly hôn, chị L đề nghị để anh L trực tiếp nuôi 02 con và chị L cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/1 con/1tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2022, bị đơn là anh Phan Thành L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị Nguyễn Thị L trình bày. Theo anh L, mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày. Ly hôn, anh L đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung theo mức do chị L quyết định.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Thành L .

2. *Về con chung*: Giao cho anh Phan Thành L trực tiếp nuôi 02 con chung là Phan Thị Tuyết M- sinh ngày 29/6/2012, Phan Thị Thu T- sinh ngày 07/10/2017. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/1con/1 tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

3. *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức*: Không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Nguyễn Thị L và anh Phan Thành L bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy vợ chồng chị L, anh L chung sống hòa thuận được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, thiếu sự tin tưởng đối với nhau nên thường nói đánh cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy anh L có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định tại địa phương, còn chị L đang lao động tại miền nam nên điều kiện chăm sóc con chung của anh L tốt hơn chị

L. Con chung là Phan Thị Tuyết M đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở cùng anh L và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, 02 con chung do anh L chăm sóc nuôi dưỡng, bảo đảm cho các con chung phát triển ổn định về thể chất, tinh thần. Đồng thời, chị L cũng có đề nghị giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị của chị L về nghĩa vụ, mức cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đồng/1con chung/1 tháng.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Thành L.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cho anh Phan Thành L trực tiếp nuôi 02 con chung là Phan Thị Tuyết M- sinh ngày 29/6/2012, Phan Thị Thu T- sinh ngày 07/10/2017. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1con/1 tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

2.2. Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0007805 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho các đương sự hoặc được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng